

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị M với anh S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Ông Nguyễn Văn Kiểm,

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (số 101/2025/TLST - HNGĐ ngày 18/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên cũ) về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1989, (có mặt);

Nơi thường trú: thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Viết S, sinh năm 1982, (có mặt);

Nơi thường trú: thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Viết S kết hôn ngày 08/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh S có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh S ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ghen tuông vô cớ và anh S không quan tâm đến vợ con, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia

đình hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 01 năm 2025, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh S.

Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là Trần Ngọc Lan T, sinh ngày 31/10/2009; Trần Lan P, sinh ngày 24/3/2014; Trần Đăng K, sinh ngày 21/6/2023. Nay chị nhận nuôi 03 con chung, chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/ 01 con/ 01 tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M có mặt và trình bày chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ tháng 8/2025 đến khi từng con đủ 18 tuổi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2025 và những lời khai tiếp theo, anh Trần Viết S trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị M về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo anh vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, khi vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn thì gia đình có hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung như chị M trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi 03 con. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh S có mặt và trình bày: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 con/ tháng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử:

Cho chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Trần Viết S

Về con chung: giao cho chị M nuôi 03 con chung, về cấp dưỡng nuôi con anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ 01 con/ 01 tháng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi từng con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị M xin ly hôn với anh S và tranh chấp về nuôi con, anh S có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị M kết hôn cùng anh Trần Viết S ngày 08/12/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến tháng 01/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S ghen tuông vô cớ và có xảy ra đánh cãi chửi nhau, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2025 cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh S. Anh S cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy chị M với anh S1 đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh S đều thể hiện vợ chồng chị M, anh S có xảy ra mâu thuẫn và có thời gian ly thân. Nay anh S không nhất trí ly hôn với chị M, nhưng kể từ thời điểm vợ chồng ly thân cho đến nay, anh S không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị M anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị M được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị M và anh S có 03 con chung là Trần Ngọc Lan T, sinh ngày 31/10/2009; Trần Lan P, sinh ngày 24/3/2014; Trần Đăng K, sinh ngày 21/6/2023. Nay chị M nhận nuôi 03 con. Anh S cũng đồng ý để chị M nuôi 03 con. Chị M xác định chị đang làm công nhân có thu nhập trung bình hàng tháng là 14.000.000 đồng, thời gian làm việc ổn định, nếu được nuôi 03 con thì chị về ở trên nhà đất của bố mẹ đẻ, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận về việc nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều

81 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án cháu T và cháu P đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu K dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần giao cho chị M nuôi 03 con là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị M yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ 01 con/ 01 tháng. Tại phiên tòa anh S đồng ý với mức cấp dưỡng trên. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị M, anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Trần Viết S.

2. Về con chung: giao cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi 03 con Trần Ngọc Lan T, sinh ngày 31/10/2009; Trần Lan P, sinh ngày 24/3/2014; Trần Đăng K, sinh ngày 21/6/2023. Anh Trần Viết S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 con/01 tháng kể từ tháng 8/2025 đến khi từng con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002268 ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Tân Yên (nay là Thi hành án dân sự khu vực 3 - Bắc Ninh). Anh Trần Viết S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THA dân sự khu vực 3 - Bắc Ninh;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy